TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN HẢI HẬU** **TỈNH NAM ĐỊNH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 224/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 25/8/2023
V/v Ly hôn giữa chị T, anh T1

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HẢI HẬU - TỈNH NAM ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Vũ Văn Ái.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Văn Kiêm;

Ông Nguyễn Đức Phông.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Đính – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định.

Ngày 25/8/2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 110/2023/TLST- HNGĐ ngày 05 tháng 5 năm 2023 về việc xin ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 155/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 03 tháng 8 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 92/2023/QĐST-HNGĐ ngày 18 tháng 8 năm 2023 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Chị Vũ Thị T, sinh năm 1974; địa chỉ: Tổ 7, phường Tân Bình, thành phố Tam Điệp, tỉnh Ninh Bình.

- *Bị đơn:* Anh Nguyễn Văn T1, sinh năm 1972; địa chỉ: Xóm 5 (xóm 2 cũ), xã Hải A, huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định.

(Chị T xin vắng mặt; anh T1 vắng mặt lần 2).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện xin ly hôn đề ngày 12 tháng 01 năm 2023 và trong quá trình tố tụng, nguyên đơn chị Vũ Thị T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Vũ Thị T và anh Nguyễn Văn T1 kết hôn trên cơ sở tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn và được Uỷ ban nhân dân xã Hải A, huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 17/10/2022. Chị đến với anh T1 trong hoàn cảnh chị đã có chồng, còn anh T1 đã có vợ nhưng đều đã ly hôn. Sau khi kết hôn, chị T và anh T11 chung sống tại nhà đất riêng của chị T tại thành phố Tam Điệp, tỉnh Ninh Bình được thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do tính tình vợ chồng không hợp, quan điểm lối sống khác nhau nên trong cuộc sống thường xuyên xảy ra xích mích cãi chửi nhau. Từ cuối năm 2022 đến nay, anh T1 đã về nhà ở xã Hải A, huyện Hải Hậu chung sống,

vợ chồng đã sống ly thân từ đó đến nay. Nay nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn nên chị T làm đơn xin được ly hôn anh T1.

Về con chung, về tài sản chung và nghĩa vụ tài sản chung của vợ chồng: Vợ chồng không có con chung, tài sản chung nên chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại Bản tự khai ngày 23/6/2023, anh Nguyễn Văn T đã có lời khai phù hợp với lời khai của chị T về thời gian hai bên kết hôn và chung sống với nhau. Về tình cảm, anh không có ý kiến gì về đơn xin ly hôn của chị T. Tuy nhiên, trong quá trình kết hôn và chung sống với chị T anh có đưa cho chị T giữ 6 chỉ vàng 24k, nay ly hôn anh yêu cầu chị T phải trả anh một nửa số vàng anh đã đưa là 3 chỉ vàng.

Về con chung, tài sản chung của vợ chồng, không có nên anh không yêu cầu Toà án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Chị Vũ Thị T có đơn xin xét xử vắng mặt. Anh Nguyễn Văn T là bị đơn đã được triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa lần 02, nhưng anh T1 vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ khoản 1 Điều 227, khoản 1, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt chị T, anh T1 là phù hợp.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Quan hệ vợ chồng giữa chị Vũ Thị T và anh Nguyễn Văn T là quan hệ hôn nhân hợp pháp vì được xây dựng trên cơ sở tự nguyện và được UBND xã Hải A, huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định đăng ký kết hôn ngày17/10/2022. Sau khi kết hôn, chị T, anh T1 chung sống được khoảng thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn. Từ cuối năm 2022 đến nay, 02 người đã sống ly thân nhau. Nay chị T nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn nên chị đề nghị xin được ly hôn với anh T1. Anh T1 không có ý kiến về việc chị T xin ly hôn anh.

Xét yêu cầu xin ly hôn của chị Vũ Thị T thì thấy: Sau khi kết hôn, do tính tình vợ chồng không hợp, quan điểm lối sống khác, đến nay chị T và anh T1 đã có thời gian sống ly thân lâu, nhưng cả hai người không có biện pháp nào để vợ chồng về chung sống đoàn tụ. Xét mâu thuẫn vợ chồng giữa chị T và anh T1 đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận nguyện vọng xin ly hôn của chị T là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Chị T, anh T1 không có con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[4] Về tài sản chung và nghĩa vụ tài sản chung của vợ chồng: Chị T và anh T1 xác định vợ chồng không có tài sản chung, không có nghĩa vụ về tài sản nên không yêu cầu Toà án giải quyết.

Về tài sản riêng, anh T1 trình bày khi kết hôn và chung sống với chị T, anh T1 có đưa cho chị Vũ Thị T 6 chỉ vàng 24k giữ. Đến nay, vợ chồng ly hôn anh yêu cầu chị T phải trả lại anh một nửa số vàng anh đã đưa là 3 chỉ vàng. Xét thấy, bị đơn anh Nguyễn Văn T1 không đưa ra được chứng cứ, chứng minh đã đưa vàng cho chị T giữ. Quá trình giải quyết vụ án, chị Vũ Thị T cũng không thừa nhận đang giữ vàng của anh T1. Toà án ra thông báo yêu cầu anh T1 nộp tạm ứng án phí yêu cầu đòi tài sản riêng, nhưng anh T1 không nộp tạm ứng án phí cũng như không đến Toà án để tham gia phiên hoà giải, đối chất nên không có căn cứ để giải quyết yêu cầu đòi tài sản riêng của anh T1. Nếu sau này anh T1 có tài liệu, chứng cứ, chứng minh chị T đang giữ tài sản riêng của anh T1thì Toà án sẽ thụ lý giải quyết bằng vụ án dân sự khác.

[5] Về án phí: Chị Vũ Thị T phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 227, khoản 1, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Vũ Thị T và anh Nguyễn Văn T1.

2. Án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/NQ- UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, chị Vũ Thị T phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai số 0006663 ngày 05/5/2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Hải Hậu; chị T đã nộp đủ án phí.

Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Vũ Văn Ái

Nơi nhận:
- TAND tỉnh;
- VKSND huyện + Tỉnh;
- Chi cục THA dân sự huyện Hải Hậu;
- UBND xã Hải A;
- Đương sự;
- Hồ sơ vụ án;

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Vũ Văn Ái